

CÔNG TY CPCN HA LÔ

Số: 05/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Công nghệ Ha Lô thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

- Mã chứng khoán: HLO
- Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0274.7301718 Fax: 02743.639738
- Email: fnc@halo.net.vn. Website: //www.halo.net.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.halo.net.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**  
- BCTC năm 2025

**Đại diện tổ chức**

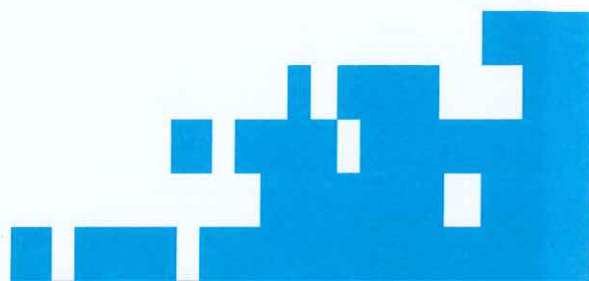
Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KỶ MINH DU

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Trang

1-2

3-4

5-6

7

8-9

10-39



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch
Ông Kỹ Minh Du	Thành viên điều hành
Bà Hà Lệ Phương	Thành viên điều hành
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên không điều hành
Ông Lee, Chien-Ta	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên không điều hành
Bà Chi Tsui Ling	Thành viên không điều hành
Ông Chao Leng Tso	Thành viên không điều hành
Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên không điều hành

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Kỹ Minh Du	Tổng Giám đốc
Bà Hà Lệ Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

*(Xem trang tiếp theo)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 236/2026/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



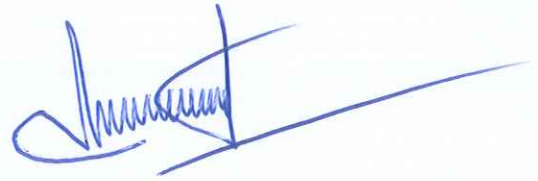
**Đặng Xuân Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0067-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

*Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.*



**Nguyễn Đức Minh Tú**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
5423-2025-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>112.372.322.361</b>	<b>115.424.527.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>13.692.854.626</b>	<b>25.792.400.876</b>
1. Tiền	111		1.692.854.626	8.792.400.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	17.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.200.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	36.200.000.000	24.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.742.948.116</b>	<b>19.099.376.597</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.468.412.586	16.719.607.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.884.628.397	3.273.700.046
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	648.708.411	509.993.315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(258.801.278)	(1.403.924.244)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>39.231.939.950</b>	<b>44.760.080.292</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.653.674.003	45.574.928.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.421.734.053)	(814.848.631)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.504.579.669</b>	<b>1.772.669.343</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		141.762.667	168.279.901
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.362.817.002	1.604.389.442
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67.042.243.428</b>	<b>59.500.449.234</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.624.000.930</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	7.624.000.930	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.460.661.292</b>	<b>31.135.359.267</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	30.191.074.702	30.744.562.681
Nguyên giá	222		52.205.695.729	49.823.579.436
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.014.621.027)	(19.079.016.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	269.586.590	390.796.586
Nguyên giá	228		686.050.000	686.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(416.463.410)	(295.253.414)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>16.114.243.508</b>	<b>14.904.120.098</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.659.400.000	18.659.400.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.545.156.492)	(3.755.279.902)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.843.337.698</b>	<b>13.460.969.869</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	12.843.337.698	13.460.969.869
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>179.414.565.789</b>	<b>174.924.976.342</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.928.505.759</b>	<b>34.201.771.151</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.928.505.759</b>	<b>33.979.090.689</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	3.155.675.180	15.006.293.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	3.734.647.201	11.080.362.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	4.498.611.524	2.263.033.102
4. Phải trả người lao động	314	4.14	2.906.735.340	2.767.701.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	527.894.627	698.102.153
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		18.182.716	120.021.451
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		10.272.461	24.680.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	3.076.486.710	2.018.896.258
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>222.680.462</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	222.680.462
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>161.486.060.030</b>	<b>140.723.205.191</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>161.486.060.030</b>	<b>140.723.205.191</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(530.000)	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.486.590.030	56.723.205.191
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		36.724.883.126	48.104.721.892
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.761.706.904	8.618.483.299
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>179.414.565.789</b>	<b>174.924.976.342</b>



Phê duyệt

Người lập

Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 02 - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	143.714.101.312	109.478.582.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		293.311.785	26.712.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.420.789.527	109.451.870.895
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	106.106.768.972	82.661.474.325
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.314.020.555	26.790.396.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.839.987.753	1.182.668.264
7. Chi phí tài chính	22	5.4	(1.063.011.302)	3.990.977.791
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	9.872.928.137	7.724.200.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	5.960.482.834	7.353.485.839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.383.608.639	8.904.400.361
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.659.239.471	2.077.571.913
12. Chi phí khác	32		22.962.594	48.224.538
13. Lợi nhuận khác	40		1.636.276.877	2.029.347.375
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.019.885.516	10.933.747.736
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	5.258.178.612	2.210.586.502
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.761.706.904	8.723.161.234
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	2.076	862
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.5	2.076	862

**Phê duyệt****Người lập****Kỳ Minh Du**  
**Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Hằng**  
**Kế toán trưởng**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>26.019.885.516</b>	<b>10.933.747.736</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	3.497.692.409	3.196.072.872
Các khoản dự phòng	03		3.982.328	4.493.499.698
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.876.615	161.544.805
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.793.769.679)	(1.076.007.578)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>27.740.667.189</b>	<b>17.708.857.533</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.711.184.380)	(4.553.847.360)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.437.261.397	(2.451.434.613)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(19.811.820.808)	13.245.576.255
Tăng giảm chi phí trả trước	12		644.149.405	569.795.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(3.000.000.000)	(1.026.541.271)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.299.072.803</b>	<b>23.492.405.854</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.112.116.293)	(279.368.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		277.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(66.200.000.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(18.659.400.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.636.170.442	1.081.150.044
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(13.398.945.851)</b>	<b>(26.857.618.018)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	147.421.677
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(122.741.677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>24.680.000</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.099.873.048)</b>	<b>(3.340.532.164)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.792.400.876	29.123.429.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		326.798	9.503.264
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>13.692.854.626</b>	<b>25.792.400.876</b>



Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702308640 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 8 năm 2025 để cập nhật lại thông tin vốn điều lệ và địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 88 (31/12/2024: 84).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ xây lắp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn hóa chất, xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp, máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất - chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải;
- Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ;
- Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại; và
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có đầu tư vào công ty liên kết sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Lô 7 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	20%	20%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem trang tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 3.4. Đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

##### *Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

##### *Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính*

##### *Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

#### 3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

##### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 15 năm
▪ Cây lâu năm	08 năm
▪ Tài sản cố định khác	05 – 25 năm

#### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu***

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Công ty) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

##### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

###### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 – 05 năm.

#### **3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, bản quyền phần mềm, chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### 3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

#### 3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 3.14. Doanh thu, thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

##### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### 3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, chi phí công tác; khấu hao TSCĐ; chi phí hoa hồng bán hàng; bảo hành sản phẩm, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác...

#### 3.18. Thuế

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hóa chất: 10%;
- Dịch vụ sửa chữa: 10%;
- Thành phẩm: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Cụ thể, các hàng hóa, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Hóa chất
- Dịch vụ sửa chữa
- Thành phẩm

##### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

#### 3.23. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	134.625.797	164.849.140
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.558.228.829	8.627.551.736
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.692.854.626</b>	<b>25.792.400.876</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 01 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng được chi tiết như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương:

Giá trị: 25.800.000.000 VND  
 Kỳ hạn: 06 tháng  
 Lãi suất: 5,2% - 5,3 %/năm

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu - Chi nhánh Ông Ích Khiêm:

Giá trị: 400.000.000 VND  
 Kỳ hạn: 12 tháng  
 Lãi suất: 5,0%/năm

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa:

Giá trị: 10.000.000.000 VND  
 Kỳ hạn: 06 tháng  
 Lãi suất: 6,0%/năm

(Xem trang tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	18.659.400.000	(*) (2.545.156.492)	18.659.400.000	(*) (3.755.279.902)

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư chiếm 20% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2025 VND		Năm 2024 VND	
Số đầu năm	3.755.279.902	-	-	-
Trích lập trong năm	-	(1.210.123.410)	3.755.279.902	-
Hoàn nhập trong năm (*)			-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.545.156.492</b>		<b>3.755.279.902</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	2.466.209.864	2.086.462.135
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Yue Teng Sporting Goods	3.616.816.600	-
Các khách hàng khác (*)	10.385.386.122	14.633.145.345
<b>Cộng</b>	<b><u>16.468.412.586</u></b>	<b><u>16.719.607.480</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.718.500.000	2.744.280.000
Các nhà cung cấp khác	166.128.397	529.420.046
<b>Cộng</b>	<b><u>1.884.628.397</u></b>	<b><u>3.273.700.046</u></b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Lãi tiền gửi dự thu	613.570.411	-	443.849.315	-
Tạm ứng	35.138.000	-	66.144.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>648.708.411</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>509.993.315</u></b>	<b><u>-</u></b>
Dài hạn:				
Tạm ứng	7.599.000.930	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	-	-
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>7.624.000.930</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Trong đó, phải thu các bên liên quan có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.614.000.930 VND – Xem thêm Mục 7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

		Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.189.958.425	931.157.147	4.470.995.225	3.067.070.981	

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn là thấp vì các công nợ đã quá hạn từ trên 06 tháng mà Công ty vẫn chưa thu được nợ.

Thời gian quá hạn và giá trị khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

		Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025		
		VND		VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	1.189.958.425	931.157.147	Từ trên 06 tháng đến 01 năm	4.286.905.725	3.007.395.981	Từ trên 06 tháng đến 02 năm
Khác	-	-		184.089.500	59.675.000	Từ trên 06 tháng
<b>Cộng</b>	<b>1.189.958.425</b>	<b>931.157.147</b>		<b>4.470.995.225</b>	<b>3.067.070.981</b>	

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.018.586.139	(1.209.034.433)	27.358.596.859	(702.365.899)
Công cụ, dụng cụ	1.015.025.259	(21.438.507)	1.059.659.678	(15.103.258)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.481.174.645	(23.579.275)	11.902.241.470	-
Thành phẩm	3.941.541.246	(148.476.725)	5.001.198.037	(87.247.377)
Hàng hóa	197.346.714	(19.205.113)	253.232.879	(10.132.097)
<b>Cộng</b>	<b>40.653.674.003</b>	<b>(1.421.734.053)</b>	<b>45.574.928.923</b>	<b>(814.848.631)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 1.421.734.053 VND.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí thuê đất (*)	12.566.774.724	12.877.162.056
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	173.151.220	329.761.043
Bản quyền phần mềm	103.411.754	254.046.770
<b>Cộng</b>	<b><u>12.843.337.698</u></b>	<b><u>13.460.969.869</u></b>

(\*) Là tiền thuê đất đã trả một lần tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất ngày 23 tháng 12 năm 2015. Thời gian thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 06 tháng 5 năm 2016 đến ngày 05 tháng 5 năm 2066.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2025	19.516.280.231	19.278.775.752	6.364.688.279	981.356.000	1.100.000.000	2.582.479.174	49.823.579.436
Mua trong năm	-	3.072.939.020	-	-	-	39.177.273	3.112.116.293
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	(730.000.000)	(730.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>19.516.280.231</b>	<b>22.351.714.772</b>	<b>6.364.688.279</b>	<b>981.356.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.891.656.447</b>	<b>52.205.695.729</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2025	4.386.220.737	8.824.396.401	2.662.549.537	694.620.890	1.100.000.000	1.411.229.190	19.079.016.755
Khấu hao trong năm	543.405.324	1.960.765.387	606.226.752	96.602.415	-	169.482.535	3.376.482.413
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	(440.878.141)	(440.878.141)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>4.929.626.061</b>	<b>10.785.161.788</b>	<b>3.268.776.289</b>	<b>791.223.305</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.139.833.584</b>	<b>22.014.621.027</b>
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2025	15.130.059.494	10.454.379.351	3.702.138.742	286.735.110	-	1.171.249.984	30.744.562.681
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>14.586.654.170</b>	<b>11.566.552.984</b>	<b>3.095.911.990</b>	<b>190.132.695</b>	<b>-</b>	<b>751.822.863</b>	<b>30.191.074.702</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.961.313 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2025	686.050.000
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>686.050.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2025	295.253.414
Khấu hao trong năm	121.209.996
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>416.463.410</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2025	390.796.586
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>269.586.590</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 80.000.000 VND.

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	653.197.127	653.197.127	4.135.551.694	4.135.551.694
Phải trả cho người bán				
Easy Good Limited	1.655.028.440	1.655.028.440	7.303.071.905	7.303.071.905
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	847.449.613	847.449.613	3.567.670.117	3.567.670.117
<b>Cộng</b>	<b>3.155.675.180</b>	<b>3.155.675.180</b>	<b>15.006.293.716</b>	<b>15.006.293.716</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa)	509.170.000	750.000.000
Công ty TNHH Truyền Thông Microlink Đà Nẵng	2.316.000.000	-
Công ty TNHH Ốc Vít Bảo Chứng	878.325.201	-
Các khách hàng khác	31.152.000	10.330.362.263
<b>Cộng</b>	<b><u>3.734.647.201</u></b>	<b><u>11.080.362.263</u></b>

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế GTGT phải nộp hàng nhập khẩu	-	1.104.958.442	1.104.958.442	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	42.096.909	42.096.909	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.468.765.114	5.258.178.612	3.000.000.000	2.210.586.502
Thuế thu nhập cá nhân	29.846.410	840.218.570	858.401.585	48.029.425
Các khoản thuế, lệ phí khác	-	12.417.175	16.834.350	4.417.175
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b><u>4.498.611.524</u></b>	<b><u>7.257.869.708</u></b>	<b><u>5.022.291.286</u></b>	<b><u>2.263.033.102</u></b>

**4.14. Phải trả người lao động**

Là tiền lương và phụ cấp còn phải trả người lao động tại ngày 31/12/2025.

**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	359.284.235	515.892.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.310.392	166.409.643
Các khoản trích trước khác	24.300.000	15.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>527.894.627</u></b>	<b><u>698.102.153</u></b>

**4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	3.076.486.710	2.018.896.258

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng VND
			Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	80.000.000.000	4.000.000.000	-	48.104.721.892	132.104.721.892
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.723.161.234	8.723.161.234
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(104.677.935)	(104.677.935)
Tại ngày 01/01/2025	80.000.000.000	4.000.000.000	-	56.723.205.191	140.723.205.191
Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000	-	(530.000)	(20.000.000.000)	(530.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.761.706.904	20.761.706.904
Hoàn nhập thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	1.677.935	1.677.935
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>(530.000)</b>	<b>57.486.590.030</b>	<b>161.486.060.030</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Kỹ Minh Du	44.673.870.000	44,67%	35.691.900.000	44,61%
Bà Tsai Ya Hui	12.500.000.000	12,50%	10.000.000.000	12,50%
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	9.976.250.000	9,98%	7.981.000.000	9,98%
Just Successful Inc	10.000.000.000	10,00%	8.000.000.000	10,00%
Ông Chi Wei Shiu	7.743.750.000	7,74%	6.195.000.000	7,74%
Ông Chao Leng Tso	4.995.000.000	5,00%	4.000.000.000	5,00%
Cổ đông khác	10.111.130.000	10,11%	8.132.100.000	10,17%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**4.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.761.706.904	8.723.161.234
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(103.000.000)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.761.706.904	8.620.161.234
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.076</b>	<b>862</b>

**4.17.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.761.706.904	8.723.161.234
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(103.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.761.706.904	8.620.161.234
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.076</b>	<b>862</b>

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
Ngoại tệ: USD	395,64	45.194,81

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	53.176.660.380	48.919.647.933
Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm	78.211.346.813	50.428.377.958
Doanh thu bán thành phẩm	12.326.094.119	10.130.557.004
<b>Cộng</b>	<b><u>143.714.101.312</u></b>	<b><u>109.478.582.895</u></b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	13.731.249.050	20.314.433.950

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng hơn 31% so với năm trước, chủ yếu nhờ việc mở rộng hoạt động kinh doanh và khai thác thêm các khách hàng mới, bao gồm Công ty TNHH Yue Teng Sporting Goods, Công ty TNHH Fastrong Technologies Việt Nam và Công ty TNHH A – Plus.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	43.641.217.426	38.524.480.982
Giá vốn lắp đặt hệ thống và thiết bị đi kèm	51.082.526.905	36.037.037.476
Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.417.962.268	6.301.129.579
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	606.885.422	(220.069.970)
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	3.358.176.951	2.018.896.258
<b>Cộng</b>	<b><u>106.106.768.972</u></b>	<b><u>82.661.474.325</u></b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.805.891.538	1.076.007.578
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.096.215	106.660.686
<b>Cộng</b>	<b><u>1.839.987.753</u></b>	<b><u>1.182.668.264</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(1.210.123.410)	3.755.279.902
Lỗi chênh lệch tỷ giá	134.235.493	74.153.084
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.876.615	161.544.805
<b>Cộng</b>	<b>(1.063.011.302)</b>	<b>3.990.977.791</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	3.218.610.413	3.334.697.279
Chi phí vật liệu, bao bì	410.086.015	128.445.390
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.180.318	12.465.047
Chi phí khấu hao TSCĐ	443.405.139	559.415.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.411.415.285	3.601.494.060
Chi phí bằng tiền khác	386.230.967	87.683.546
<b>Cộng</b>	<b>9.872.928.137</b>	<b>7.724.200.843</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.983.115.027	3.507.536.262
Chi phí vật liệu quản lý	2.497.820	20.908.822
Chi phí đồ dùng văn phòng	310.352.297	334.323.737
Chi phí khấu hao TSCĐ	609.022.021	442.046.779
Thuế, phí và lệ phí	47.282.213	28.382.877
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.145.122.966)	1.195.084.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.728.116.386	1.762.978.512
Chi phí bằng tiền khác	425.220.036	62.224.106
<b>Cộng</b>	<b>5.960.482.834</b>	<b>7.353.485.839</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền lãi trả chậm	-	114.208.710
Thu nhập bảo hành	1.605.833.669	1.923.338.114
Thu nhập khác	53.405.802	40.025.089
<b>Cộng</b>	<b><u>1.659.239.471</u></b>	<b><u>2.077.571.913</u></b>

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hàng thương mại	49.515.717.423	38.488.793.285
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.114.377.989	25.139.735.202
Chi phí nhân công	21.548.446.629	18.503.910.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.497.692.409	3.196.072.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.423.255.250	7.245.246.452
Chi phí khác bằng tiền	3.359.966.627	4.650.567.578
<b>Cộng</b>	<b><u>120.459.456.327</u></b>	<b><u>97.224.326.167</u></b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	26.019.885.516	10.933.747.736
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	271.305.908	128.688.039
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(298.365)	(9.503.264)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	26.290.893.059	11.052.932.511
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>5.258.178.612</u></b>	<b><u>2.210.586.502</u></b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt thiết bị dây chuyền xi mạ và kinh doanh hóa chất xử lý bề mặt kim loại. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt trong thuyết minh báo cáo tài chính.

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Ông Kỹ Minh Du	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty TNHH SX Thương mại Minh Chất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH Triệu Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Công ty TNHH Hưng Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
11. Công ty TNHH Haola	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
12. Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
13. Công ty TNHH S-Chem	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
14. Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
15. Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
16. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	1.836.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	47.979.000	593.382.320
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	39.441.600	14.171.760
Công ty TNHH Hưng Nhất	1.417.783.520	675.352.535
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	957.009.744	803.555.520
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	2.160.000	-
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.3</b>	<b><u>2.466.209.864</u></b>	<b><u>2.086.462.135</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<b>Trả trước cho người bán:</b>		
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	1.524.600.000	1.524.600.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	-	1.219.680.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất	193.900.000	-
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.4</b>	<b>1.718.500.000</b>	<b>2.744.280.000</b>
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<b>Phải thu khác:</b>		
Ông Kỹ Minh Du – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT – Phải thu về tạm ứng (*)	7.599.000.930	-
Công ty TNHH S-Chem – Phải thu về ký cược, ký quỹ	15.000.000	-
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.5</b>	<b>7.614.000.930</b>	<b>-</b>
(*) Công ty tạm ứng cho Ông Kỹ Minh Du theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07.3/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2025 để sử dụng cho các công việc chuẩn bị, khảo sát, đàm phán sơ bộ và các bước cần thiết khác nhằm đảm bảo quyền ưu tiên thuê đất cho Công ty tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.		
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<b>Phải trả thương mại:</b>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	(508.663.152)	(4.102.991.694)
Công ty TNHH Triệu Nhất	(2.700.005)	(32.560.000)
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	(141.833.970)	-
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.11</b>	<b>(653.197.127)</b>	<b>(4.135.551.694)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	112.079.000	85.730.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	805.117.250	1.817.051.000
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	171.255.000	224.606.000
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	252.425.000	226.775.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	180.250.000	104.923.000
Công ty TNHH Hưng Nhất	3.006.423.200	3.123.423.250
Công ty TNHH Haola	610.000	610.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	9.065.289.600	14.595.565.700
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	8.000.000	6.000.000
Công ty TNHH S-Chem	129.800.000	1.900.000
Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	-	126.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	-	1.850.000
<b>Cộng - Xem thêm Mục 5.1</b>	<b><u>13.731.249.050</u></b>	<b><u>20.314.433.950</u></b>
	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Mua hàng hoá và dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Nhất	41.074.662.851	36.209.728.670
Công ty TNHH Triệu Nhất	15.635.010	64.440.000
Công ty TNHH Hưng Nhất	58.500.000	123.590.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	2.626.555.000	-
Công Ty Cổ Phần Môi Trường Việt Nhất	3.285.000.000	-
Công ty TNHH S-Chem	64.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>47.424.352.861</u></b>	<b><u>36.397.758.670</u></b>
	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Tạm ứng:</b>		
Ông Kỹ Minh Du – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	7.599.000.930	-
	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Ký quỹ:</b>		
Công ty TNHH S-Chem	15.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của các thành viên HĐQT Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch	10.000.000	-
Ông Kỳ Minh Du	Thành viên	8.000.000	-
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên	8.000.000	-
Bà Hà Lệ Phương	Thành viên	8.000.000	-
Bà Chi Tsui Ling	Thành viên	8.000.000	-
Ông Chao Leng Tso	Thành viên	8.000.000	-
Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên	8.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên	8.000.000	-
Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên	8.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>74.000.000</b>	<b>-</b>

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Kỳ Minh Du	Thành viên HĐQT kiêm TGD	668.629.000	663.692.000
Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên HĐQT	329.216.668	194.357.847
Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên HĐQT	847.161.035	736.065.290
Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng giám đốc	595.585.000	533.450.000
Ông Zhang Jian Jun	Phó Tổng giám đốc	624.305.000	533.022.222
<b>Cộng</b>		<b>3.064.896.703</b>	<b>2.660.587.359</b>

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng ban	8.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên	7.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên	7.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>22.000.000</b>	<b>-</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro lãi suất
  - + Rủi ro tiền tệ
  - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.692.854.626	25.792.400.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.142.120.997	17.229.600.795
Đầu tư ngắn hạn	36.200.000.000	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>67.034.975.623</u></b>	<b><u>67.022.001.671</u></b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Các khoản vay	10.272.461	24.680.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.155.675.180	15.021.637.232
Chi phí phải trả	527.894.627	698.102.153
<b>Cộng</b>	<b><u>3.693.842.268</u></b>	<b><u>15.744.419.385</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro tín dụng***

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền và tương đương tiền	13.692.854.626	25.792.400.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.142.120.997	17.229.600.795
<b>Cộng</b>	<b><u>30.834.975.623</u></b>	<b><u>43.022.001.671</u></b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.6 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

***Rủi ro thanh khoản***

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	10.272.461	3.683.569.807	3.693.842.268
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b><u>10.272.461</u></b>	<b><u>3.683.569.807</u></b>	<b><u>3.693.842.268</u></b>
	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	24.680.000	15.719.739.385	15.744.419.385
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b><u>24.680.000</u></b>	<b><u>15.719.739.385</u></b>	<b><u>15.744.419.385</u></b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	862	1.090

Việc báo cáo lại thông tin so sánh "Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu" là do sự khác biệt giữa tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch được sử dụng để ước tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu khi phát hành báo cáo tài chính năm trước và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua sau đó và số cổ phần lưu hành bình quân trong năm được báo cáo lại để bảo đảm tính so sánh do có phát hành cổ phiếu thưởng.

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Người lập

Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026